TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2023
"V/v: Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Bình, bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1962. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là ông Dương Văn H trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là UBND phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 06/01/1984. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu nhau, không hợp nhau. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa và sống ly thân từ năm 1999 đến nay. Từ đó đến nay, ông H, bà B mỗi người ở một nhà khác nhau và tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Ông H xác định không còn tình cảm với bà B và không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà B.

Về con chung: Do vợ chồng không sinh được con chung nên ông H, bà B đã xin 1 người con nuôi và khai sinh là con chung của vợ chồng là Dương Mạnh T, sinh năm 1998. Con đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà B có tài sản chung là thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 144,4m^2 thôn Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông H tặng cho. Thửa đất hiện nay là thửa số 124, tờ bản đồ số 28, diện tích 170,4m^2. Phần diện tích đất tăng lên 26m^2 là do ông gia đình sử dụng phần diện tích ngõ đi. Phần diện tích đất này chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, diện tích thửa đất ông H xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 144,4m^2. Trên đất có ngôi nhà 2 tầng và sân lát gạch, lợp mái tôn.

Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B từ năm 1999, đã thanh toán tiền và sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp với ai và không vi phạm quy hoạch sử dụng đất. Trên đất có 1 ngôi nhà 2,5 tầng. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của bà B. Ông H quản lý, sử dụng thửa đất số 124, diện tích 144,4m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H. Bà B được quản lý, sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H trích trả cho bà B 50.000.000 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản vì kinh tế hiện tại của ông khó khăn và tài sản xây dựng trên đất là do ông H có công sức đóng góp nhiều hơn. Bà B không đồng ý nhận 50.000.000 đồng thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà công nhận lời trình bày của ông H về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân là đúng. Giữa bà và ông H có nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau. Từ năm 1999 đến nay, bà và ông H mỗi người sinh sống và sinh hoạt

một nhà khác nhau, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Ông H xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung như ông H trình bày là đúng, bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà B xác nhận tài sản chung của vợ chồng như ông H trình bày là đúng và đồng ý phân chia tài sản như ông H trình bày nhưng bà không đồng ý nhận 50.000.000 đồng trích trả tiền chênh lệch về tài sản. Bà yêu cầu ông H trích trả cho bà 300.000.000 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản. Nếu ông H không đồng ý thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà B. Con chung đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông H xác định vợ chồng có tài sản chung là 2 thửa đất và công trình xây dựng trên đất. Ông H quản lý, sử dụng thửa đất số 101 (nay là thửa 124), diện tích 144,4m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H giá trị là 1.213.146.600 đồng. Bà B quản lý, sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị là 275.085.000 đồng. Ông H trích trả cho bà B 100.000.000 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản. Về công nợ: Không có.

Bà B đồng ý ly hôn. Con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản đồng ý như trình bày của ông H về giá trị và phân chia nhà đất nhưng không đồng ý nhận 100.000.000 đồng tiền ông H trích trả chênh lệch về giá trị tài sản. Bà B yêu cầu ông H phải trích trả cho bà 300.000.000 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản. Về công nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 35, 51, 55, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của ông H, bà B là thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 144,4m^2 ở thôn Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Nay là thửa số 124, tờ bản đồ số 28, diện tích 170,4m^2 ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H có giá trị là 1.213.146.600 đồng (diện tích thửa đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 144,4m^2) và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có giá trị là 275.085.000 đồng.

Chia cho ông Dương Văn H thửa đất số 101 (nay là thửa số 124), diện tích 144,4m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H giá trị là 1.213.146.600 đồng.

Chia cho bà B thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị là 275.085.000 đồng.

Về giá trị tài sản chênh lệch buộc ông H phải trích trả bà B số tiền là 300.000.000 đồng.

Về công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Bà B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản bà B tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, bà B có đơn yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Nguyễn Thị B trú tại khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc từ chối tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ba là người đã chuyển nhượng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 ở khu phố Thanh Nhàn cho ông H bà B. Hai bên đã thanh toán tiền đầy đủ, giao nhận đất và sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay, không có tranh chấp. Ông Ba xác định không liên quan đến việc giải quyết vụ án từ chối tham gia tố tụng. Ông H, bà B xác định ông Ba không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông Ba, xác định ông Ba không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 06/3/2023, nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 08 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 26/3/2023.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn H kết hôn với bà Nguyễn Thị B vào năm 1984, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều thừa nhận khi chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống. Ông H và bà B sống ly thân từ năm 1999 đến nay, mỗi người sinh sống một nhà khác nhau không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Căn cứ vào kết quả xác minh với trưởng khu phố Thanh Nhàn thì ông H, bà B sống ly thân từ năm 1999 đến nay, mỗi người sinh sống một nhà khác nhau. Mâu thuẫn giữa ông H, bà B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều đồng ý ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của đương sự, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông H và bà B.

Về con chung: Cháu Dương Mạnh Tiến, sinh năm 1998 đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà B đều công nhận tài sản chung là: Thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 144,4m^2 thôn Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H. Thửa đất có tứ cận: Phía Tây giáp nhà ông T và 1 phần ngõ đi; Phía Đông giáp nhà ông H; Phía Bắc giáp nhà ông T; Phía Nam giáp nhà ông L. Trên đất có ngôi nhà 2 tầng và sân lát gạch, lợp mái tôn. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông H tặng cho. Thửa đất hiện nay là thửa số 124, tờ bản đồ số 28, diện tích 170,4m^2. Căn cứ vào kết quả xác minh tại UBND phường Đồng Kỵ, phần diện tích đất tăng lên 26m^2 là do gia đình ông H sử dụng phần diện tích ngõ đi. Phần diện tích đất này chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, diện tích thửa đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 144,4m^2. Kết quả định giá tài sản: Giá trị quyền sử dụng đất là 144,4m^2 x 6.100.000đ/m^2 = 880.840.000 đồng. Tài sản trên đất 332.306.600 đồng.Tổng giá trị nhà và đất là 1.213.146.600 đồng.

Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất có tứ cận: Phía Tây giáp ngõ đi; Phía Đông và phía Nam giáp miếu làng; Phía Bắc giáp nhà bà C. Trên đất có 1 ngôi nhà 2, 5 tầng. Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc là do ông H, bà B nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B từ năm 1999. Hai bên đã thanh toán tiền và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Căn cứ vào kết quả xác minh tại UBND phường Đồng Kỵ, thửa đất này là đất thổ cư, sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai. Công trình xây dựng trên thửa đất và thửa đất này phù hợp với quy hoạch khu dân cư, không có vi phạm gì. Kết quả định giá tài sản: Giá trị quyền sử dụng đất là 28,3m^2 x 6.500.000đ/m^2 = 183.950.000 đồng. Tài sản trên đất giá trị 91.135.000 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 275.085.000 đồng.

Ngoài tài sản trên, ông H, bà B không còn tài sản chung nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của ông H, bà B là thửa đất số 101 (nay là thửa số 124) và thửa đất số 153 cùng toàn bộ tài sản trên đất. Tổng giá trị tài sản chung của ông H, bà B là 1.488.231.600 đồng.

Ông H và bà B đều thống nhất chia ông H thửa đất số 101 (nay là thửa số

124) diện tích 144,4m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn H giá trị là 1.213.146.600 đồng. Chia cho bà B thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 và toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị là 275.085.000 đồng. Việc thỏa thuận phân chia tài sản là tự nguyện, phù hợp với thực tế các đương sự đang quản, sử dụng tài sản và phù hợp với quy định của pháp nên được chấp nhận. Tuy nhiên, hai tài sản này có giá trị chênh lệch nhau và các đương sự không thỏa thuận được về việc thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ông H được chia có giá trị nhiều hơn bà B là 938.061.600 đồng. Bà B yêu cầu ông H phải trích trả phần chênh lệch giá trị tài sản là 300.000.000 đồng, ông H chỉ đồng ý trích trả cho bà B 100.000.000 đồng. Ông H, bà B đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 101 (nay là thửa số 124) là do bố mẹ ông H tặng cho và ông H là người có công sức đóng góp xây dựng tài sản nhiều hơn bà B. Yêu cầu trích trả giá trị chênh lệch về tài sản của bà B tương ứng với khoảng 1/3 giá trị tài sản chênh lệch của 2 nhà đất. Xét thấy yêu cầu của bà B là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông H phải trích trả cho bà B 300.000.000 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản.

Về công nợ: Ông H, bà B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông H, bà B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng phí đã nộp.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản bà B tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 33, 51, 55, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị B.

Xác nhận tài sản chung của ông H, bà B là thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 144,4m^2 ở thôn Đồng Ky, xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Nay là thửa số 124, tờ bản đồ số 28, diện tích 170,4m^2 ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Ky, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H có giá trị là 1.213.146.600 đồng (diện tích thửa đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 144,4m^2) và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Ky, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có giá trị là 275.085.000 đồng.

Chia cho ông H thửa đất số 101, tờ bản đồ 10, diện tích 144,4m^2 ở thôn Đồng Ky, xã Đồng Quang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Nay là thửa số 124, tờ bản đồ số 28, diện tích 170,4m^2 ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Ky, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn H có giá trị là 1.213.146.600 đồng (diện tích thửa đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng 144,4m^2).

Chia cho bà B thửa đất số 153, tờ bản đồ số 28, diện tích 28,3m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất ở khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Ky, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị là 275.085.000 đồng.

Ông H phải trích trả cho bà B 300.000.000 đồng tiền chênh lệch về giá trị tài sản.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông H, bà B có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đã được chia theo quy định của pháp luật.

Án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Văn H. Hoàn trả ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0003814 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Bà B phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 27.003.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

8.750.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0003847 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố Từ Sơn;
- UBND phường Đồng Kỵ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh